BẢN TIN
BẢO HIỂM - TÁI BẢO HIỂM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
NEWSLETTER 2026-01

VINARE KHẲNG ĐỊNH DẤU ẤN QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI AF8 VÀ VCLA

Năm 2025 ghi dấu một năm tăng trưởng tích cực của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE), khi Tổng công ty hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển dài hạn.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cùng sự đồng lòng của toàn thể cán bộ, tổng doanh thu năm 2025 của VINARE đạt 3.870 tỷ đồng, tăng 16,6% so với năm 2024 và đạt 107,7% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm đạt 3.410 tỷ đồng, tăng 17,6%; lợi nhuận đầu tư tài chính đạt 460 tỷ đồng, tăng 9,8%. Nhờ hiệu quả đồng bộ giữa hoạt động kinh doanh và quản trị tài chính, lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 507 tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ.

VINARE KHẲNG ĐỊNH DẤU ẤN QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI AF8 VÀ VCLA

Những kết quả kinh doanh khả quan này không chỉ phản ánh năng lực điều hành hiệu quả, mà còn là minh chứng rõ nét cho vai trò của quản trị công ty (QTCT) trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo dựng niềm tin thị trường. Trên nền tảng đó, năm 2025 cũng đánh dấu bước tiến nổi bật của VINARE trong hành trình nâng tầm QTCT, khi Tổng công ty liên tiếp được vinh danh tại hai sự kiện uy tín hàng đầu thị trường: Diễn đàn Thường niên về Quản trị Công ty lần thứ 8 (AF8) và Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (VLCA) lần thứ 18.

Ngày 5/12 vừa qua tại TP. Hồ Chí Minh, VINARE đã xuất sắc được vinh danh đồng thời tại ba hạng mục quan trọng của Diễn đàn Thường niên về Quản trị Công ty lần thứ 8 (AF8), bao gồm ACGS20 – Top doanh nghiệp Doanh nghiệp cam kết & tiên phong hướng tới đạt chuẩn xếp hạng Tài sản ASEAN, Top VNCG50 2025 - Tôn vinh Doanh nghiệp tiên phong cam kết thực hành QTCT tốt và hướng tới bộ chỉ số VNCG50 và Top 05 "Hội đồng Quản trị của năm" 2025 - Tôn vinh các Hội đồng quản trị tiêu biểu tiên phong cam kết thực hành QTCT tốt. Đây là lần đầu tiên VINARE xuất hiện đồng thời ở cả ba hạng mục, thể hiện sự công nhận mạnh mẽ của thị trường đối với năng lực QTCT của Tổng công ty, cũng như vai trò tiên phong trong việc áp dụng chuẩn mực minh bạch theo thông lệ khu vực và quốc tế. Không dừng lại ở việc tuân thủ các yêu cầu pháp lý, VINARE chủ động tiếp cận các bộ tiêu chuẩn QTCT quốc tế như ACGS và VNCG50, cam kết vượt chuẩn trong minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả – những yếu tố được các nhà đầu tư đặc biệt coi trọng.

Quản trị công ty – Trụ cột chiến lược của VINARE

Trong những năm qua, VINARE xác định QTCT là trụ cột chiến lược, coi đây là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong lĩnh vực bảo hiểm/tái bảo hiểm. Tổng công ty liên tục hoàn thiện cơ cấu quản trị theo hướng tách bạch, chuyên nghiệp và hiệu quả hơn; tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng quản trị, chú trọng hoạch định chiến lược dài hạn và gắn QTCT với văn hóa quản trị rủi ro. VINARE cũng chuyển mạnh từ tư duy tuân thủ thụ động sang tuân thủ chủ động, đẩy mạnh chuyển đổi số, chuẩn hóa dữ liệu, đa dạng hóa kênh công bố thông tin, phát triển các chính sách ESG và tăng cường đối thoại với cổ đông, nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã xây dựng và ban hành Bộ Quy tắc Văn hóa doanh nghiệp dựa trên liêm chính, minh bạch và trách nhiệm, giúp lan tỏa tư duy quản trị hiện đại trong toàn hệ thống, qua đó tiệm cận nhanh hơn với các chuẩn mực QTCT khu vực ASEAN và thông lệ quốc tế. Nhờ định hướng kiên định này, các chuẩn mực QTCT không chỉ dừng lại ở khẩu hiệu mà đã trở thành giá trị mang lại hiệu quả thực tiễn cho VINARE, góp phần nâng cao uy tín trên thị trường vốn, cải thiện chất lượng quản trị rủi ro và gia tăng sự tin cậy của cổ đông.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng hấp dẫn với khả năng thu hút 3–5 tỷ USD sau khi nâng hạng và có thể lên tới 25 tỷ USD đến năm 2030, QTCT giờ đây trở thành tiêu chí trung tâm, quyết định cách doanh nghiệp sử dụng vốn, quản trị rủi ro và xây dựng lòng tin của cổ đông. Chất lượng QTCT cũng là yếu tố quan trọng nhất trong phân bổ vốn của các nhà đầu tư có trách nhiệm tại các thị trường mới nổi.

Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải thay đổi tư duy chiến lược, đặc biệt tại cấp Hội đồng quản trị, từ mô hình tuân thủ truyền thống sang mô hình tuân thủ chủ động và quản trị hiệu quả theo thông lệ quốc tế. Một Hội đồng quản trị có trách nhiệm, quản trị rủi ro tốt và giám sát hiệu quả sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực trong toàn bộ hệ sinh thái quản trị và danh tiếng của doanh nghiệp.

Diễn đàn AF8 thu hút hơn 320 đại diện doanh nghiệp, quỹ đầu tư, tổ chức tài chính và chuyên gia trong nước - quốc tế, do Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam tổ chức với sự đồng hành của Tổ chức Tài chính quốc tế, Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng các Sở Giao dịch Chứng khoán. Đây là diễn đàn uy tín hàng đầu về QTCT tại Việt Nam, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của thị trường đối với tiêu chuẩn minh bạch và phát triển bền vững.

VINARE tiếp tục ghi tên mình tại VLCA 2025

Song hành với thành công tại AF8, trước đó vào ngày 3/12, VINARE đã một lần nữa được ghi nhận tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (VLCA) lần thứ 18 khi được xướng tên trong Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhóm vốn hóa vừa. Từ hàng trăm doanh nghiệp lọt vào vòng chung khảo, kết quả này phản ánh rõ nét nỗ lực bền bỉ của VINARE trong duy trì công bố thông tin chuẩn mực, minh bạch và xây dựng hệ thống QTCT theo thông lệ tốt. Sự kiện có sự tham dự của Lãnh đạo Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch Chứng khoán và hơn 300 doanh nghiệp niêm yết, thể hiện uy tín và tầm quan trọng của VLCA trong việc nâng cao nhận thức về QTCT trong suốt 18 năm qua.

VINARE nhiều năm liền được vinh danh trong Top 10 Quản trị công ty của HNX

Trước đó, vào tháng 11 tại Quảng Ninh, trong khuôn khổ sự kiện "Hội nghị Doanh nghiệp thường niên 2025" do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) tổ chức, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam VINARE cũng đã một lần nữa ghi tên mình trong Top 10 công ty niêm yết trên HNX thực hiện tốt quản trị công ty năm 2024-2025. VINARE đã nhiều năm liên tục được vinh danh trong bảng xếp hạng này.

Nền tảng cho hành trình phát triển bền vững

Việc được vinh danh tại cả ba hạng mục của AF8 cũng như tại VLCA lần thứ 18 hay tại Hội nghị Doanh nghiệp thường niên 2025 của HNX trước đó là sự ghi nhận khách quan đối với định hướng phát triển bền vững mà VINARE kiên trì theo đuổi trong nhiều năm. Thành tựu này không chỉ củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư vào chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty, mà còn khẳng định năng lực quản trị của VINARE trong bối cảnh ngành bảo hiểm – tái bảo hiểm đang đứng trước những yêu cầu ngày càng cao về minh bạch, chuẩn mực quốc tế và quản trị rủi ro. Quan trọng hơn, đây là động lực để VINARE tiếp tục đẩy mạnh chuẩn hóa hệ thống quản trị theo các thông lệ tốt nhất, nâng tầm chất lượng điều hành và gia tăng hiệu quả hoạt động. Tổng công ty coi việc được vinh danh không phải đích đến, mà là cam kết trách nhiệm để tiếp tục đổi mới tư duy quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy chuyển đổi số, hoàn thiện chuẩn mực minh bạch thông tin và phát huy vai trò tiên phong trong ngành tái bảo hiểm Việt Nam.

Bằng việc kiên định với nền tảng quản trị hiện đại và phát triển bền vững, VINARE hướng tới mục tiêu không chỉ đóng góp tích cực cho sự phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam, mà còn đồng hành cùng tiến trình nâng tầm thị trường vốn Việt Nam trong giai đoạn hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VIỆT NAM NĂM 2025: TĂNG TRƯỞNG TRONG BỐI CẢNH CẠNH TRANH GIA TĂNG

Theo số liệu tổng hợp nhanh của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2025 ước đạt 237,2 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 4,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ đạt 88.071 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với năm 2024.

Xét theo từng nghiệp vụ, bảo hiểm Tai nạn con người và Sức khỏe tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ đạo, với doanh thu đạt 31.670 tỷ đồng, tăng trưởng 10,2% so với năm 2024. Bảo hiểm xe cơ giới ghi nhận mức tăng trưởng 12,2%, đạt 20.971 tỷ đồng. Đây là mức tăng trưởng cao nhất của nghiệp vụ này kể từ năm 2019 nhờ sự phục hồi tích cực của thị trường xe Việt Nam khi tổng lượng xe bán ra của năm 2025 tăng đến hơn 22% so với năm 2024.

Tỷ trọng doanh thu theo nghiệp vụ

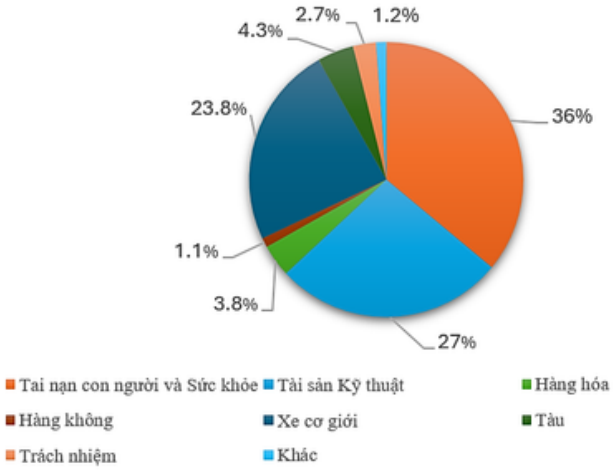

Doanh thu nghiệp vụ qua các năm (Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

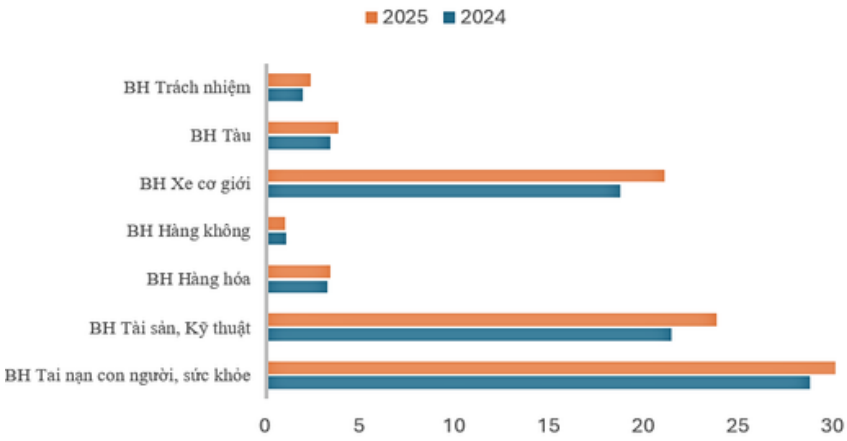

Bảo hiểm Tài sản và Kỹ thuật đạt 23.793 tỷ đồng, tăng trưởng 11,2%, trong khi bảo hiểm hàng hóa ghi nhận mức tăng trưởng 5,2%, đạt 3.373 tỷ đồng. Việc áp dụng Nghị định 105/2025/NĐ-CP từ tháng 7/2025 đã tạo được một số tác động tích cực lên doanh thu nghiệp vụ Tài sản trong năm 2025. Tuy nhiên, thị trường cũng phải đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt qua việc mở rộng điều khoản bảo hiểm phi kỹ thuật, giảm mức khấu trừ.

Bảo hiểm Tàu – bao gồm bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu– cũng ghi nhận tăng trưởng ấn tượng, với doanh thu đạt 3.792 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với năm trước.

Tổn thất và rủi ro thị trường

Song song với tăng trưởng doanh thu, bức tranh tổn thất của thị trường năm 2025 cũng ghi nhận nhiều diễn biến đáng chú ý. Theo số liệu tổng hợp nhanh của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, tổng số bồi thường đã trả (paid losses) của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2025 là khoảng hơn 28.000 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2024. Mối lo ngại lớn trong năm 2025 đến từ tình hình thiên tai diễn biến phức tạp, gây nhiều tổn thất lớn nghiêm trọng cho nền kinh tế nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng.

Thiệt hại kinh tế do các tổn thất thiên tai trong năm 2025 lên tới gần 100.000 tỷ đồng, mức cao nhất được ghi nhận từ trước đến nay, nhiều con số kỷ lục về bão, mưa lũ, úng gập và thiệt hại đã được thiết lập, phản ánh xu thế thời tiết ngày càng cực đoan và khó lường. Với thị trường bảo hiểm Việt Nam, theo số liệu thống kê sơ bộ của HHBH Việt Nam, thiệt hại bảo hiểm ước tính của ba cơn bão Bualoi, Matmo, Kalmaegi và úng gập tại khu vực Trung Bộ trong Quý 4.2025 đã lên tới gần 2.500 tỷ đồng. Tổn thất do bão Yagi trong năm 2024 và các cơn bão trong năm 2025 mặc dù ở quy mô chưa phải là lớn so với các sự cố thiên tai khác trên thế giới nhưng cũng đã tạo ra những mối quan ngại lớn về tác động tiêu cực của thiên tai đến sự phát triển ổn định của thị trường trong bối cảnh thị trường bảo hiểm Việt Nam dự kiến sẽ còn tiếp tục phát triển mạnh trong thời gian tới và mật độ tham gia bảo hiểm thương mại ngày càng gia tăng.

Doanh thu phí bảo hiểm theo công ty

Trong thời gian gần đây, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đã lần lượt công bố kết quả kinh doanh Quý IV và cả năm 2025, phản ánh một thị trường nhiều biến động, với những thay đổi về quy mô và vị thế giữa các doanh nghiệp. PVI và Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế hai doanh nghiệp dẫn đầu, tạo ra khoảng cách đáng kể so với các doanh nghiệp còn lại. Bảo hiểm Bảo Việt ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt khoảng 11.132 tỷ đồng, trong khi PVI tiếp tục giữ vững ngôi vị số một với doanh thu phí bảo hiểm gốc 14.908 tỷ đồng.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VIỆT NAM NĂM 2025: TĂNG TRƯỞNG TRONG BỐI CẢNH CẠNH TRANH GIA TĂNG

Thị phần doanh nghiệp bảo hiểm

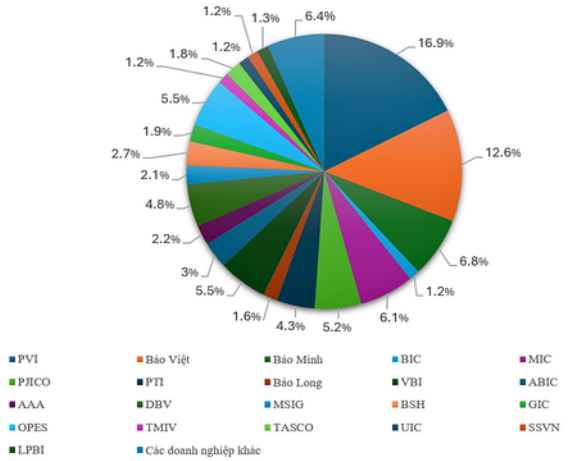

Kênh phân phối và rủi ro sản phẩm

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ qua kênh bancassurance đang ghi nhận sự phục hồi tích cực trong năm 2025 và tiếp tục khẳng định vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu kênh phân phối của nhiều doanh nghiệp bảo hiểm. Bancassurance được xem là động lực tăng trưởng đáng kể đối với bảo hiểm phi nhân thọ, tập trung vào các sản phẩm như bảo hiểm Tai nạn con người và sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm nhà tư nhân, với xu hướng ngày càng được số hóa để nâng cao khả năng tiếp cận và trải nghiệm khách hàng. Các sản phẩm qua kênh banca hiện vẫn chủ yếu là sản phẩm cá nhân, trong đó bảo hiểm con người và xe cơ giới là chủ yếu, đặt ra thách thức cho sự phát triển bền vững trong trung và dài hạn.

Năm 2025 ghi nhận xu hướng các doanh nghiệp bảo hiểm đẩy mạnh đầu tư cho chuyển đổi số và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm tạo sự khác biệt và tối ưu hóa chi phí trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt. Thị trường cũng thu hút sự tham gia ngày càng sâu của các công ty công nghệ, bao gồm cả các startup, đặc biệt trong lĩnh vực giám định – bồi thường bảo hiểm cá nhân, nơi có số lượng vụ việc cần giải quyết lớn và yêu cầu giải quyết bồi thường nhanh. Bên cạnh đó, xu hướng mở rộng hệ sinh thái thông qua các thỏa thuận hợp tác chiến lược với ngân hàng, doanh nghiệp công nghệ, nhà sản xuất – phân phối ô tô và các mạng lưới phân phối quy mô lớn ngày càng rõ nét, góp phần đa dạng hóa kênh tiếp cận khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Cùng với các hoạt động hợp tác, thị trường cũng ghi nhận sự xuất hiện của các sản phẩm bảo hiểm mới được nâng cấp về quyền lợi bảo vệ dài hạn, cũng như các giải pháp công nghệ ứng dụng AI, OCR và tự động hóa quy trình giám định – bồi thường nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Nhìn chung,

Ở nhóm doanh nghiệp theo sau, Bảo Minh đạt 5.968 tỷ đồng doanh thu phí bảo hiểm gốc, qua đó duy trì vị thế ổn định trên thị trường. MIC xếp thứ tư với 5.414 tỷ đồng, tiếp đến là BIC với 5.135 tỷ đồng, PJICO đạt 4.618 tỷ đồng và PTI theo sau với 3.757 tỷ đồng.

Dù vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức và áp lực từ môi trường cạnh tranh cũng như những biến động của thị trường, ngành bảo hiểm phi nhân thọ nhìn chung vẫn cho thấy khả năng thích ứng và chống chịu tương đối tích cực. Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt cùng với sự thay đổi nhanh chóng của xu hướng thị trường tiếp tục đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, đòi hỏi sự chủ động trong điều chỉnh chiến lược, quản trị rủi ro và tối ưu hiệu quả hoạt động nhằm duy trì tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.

Doanh thu phí bảo hiểm theo công ty (Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

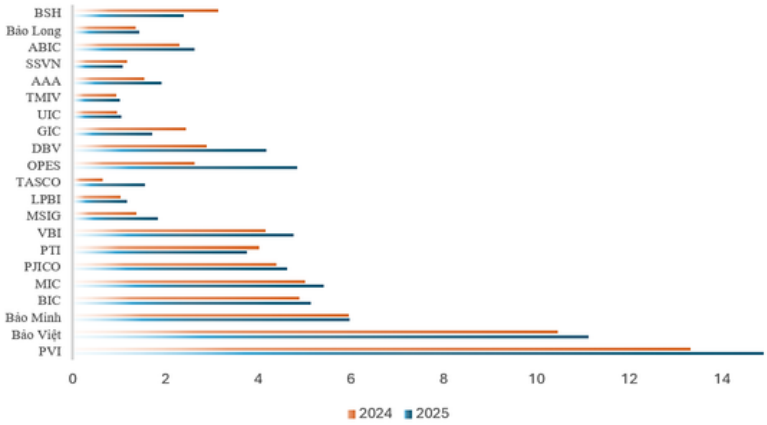

những xu hướng này cho thấy thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đang từng bước dịch chuyển theo hướng số hóa, mở rộng hệ sinh thái và tăng cường hợp tác đa kênh nhằm củng cố nền tảng tăng trưởng bền vững giai đoạn tới.

Lợi nhuận vẫn duy trì ở mức tích cực

Dữ liệu từ báo cáo tài chính quý 4/2025 cho thấy, nhiều doanh nghiệp vẫn giữ được đà tăng trưởng lợi nhuận trong suốt năm, bất chấp những khó khăn và áp lực cạnh tranh của thị trường. Cụ thể, BIC ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 648,3 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2024. MIC đạt 408,8 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 32,6% so với năm 2024. PJICO cũng báo cáo lợi nhuận trước thuế đạt 306,1 tỷ đồng, tăng 5,1%. Bảo Minh ghi nhận 305,5 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng khoảng 12% so với năm 2024. ABIC ghi nhận 318,8 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 24,5% . Ở chiều ngược lại, PTI ghi nhận kết quả lợi nhuận suy giảm, với lợi nhuận trước thuế đạt 360,4 tỷ đồng, tương đương 90% so với cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh cạnh tranh và rủi ro gia tăng, triển vọng của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong giai đoạn tới sẽ phụ thuộc vào năng lực thích ứng, quản trị rủi ro và hiệu quả vận hành của từng doanh nghiệp.

TÌM HIỂU VỀ BẢO HIỂM XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

Trong quá trình xây dựng các công trình năng lượng quy mô lớn, đặc biệt là nhà máy điện hạt nhân, rủi ro về kỹ thuật, tài chính và an toàn là rất lớn. Vì vậy, bảo hiểm xây dựng/lắp đặt (CAR/EAR) đóng vai trò thiết yếu trong việc bảo vệ chủ đầu tư, nhà thầu và các bên liên quan trước những thiệt hại có thể xảy ra trong quá trình thi công.

Thời đại công nghệ số với sự phát triển như vũ bão của mọi ngành nghề như sản xuất, xây dựng, nông nghiệp,.. với ứng dụng trang thiết bị máy móc hiện đại, dây chuyền sản xuất cao cấp, các mô hình tự động hóa, cơ giới hóa được sử dụng nhiều để thay thế cho nhân công thủ công, nhu cầu về năng lượng đã trở nên cấp bách với rất nhiều quốc gia, khu vực. Mọi thứ máy móc đều cần năng lượng để vận hành liên tục và ổn định, việc xây dựng những nhà máy cung cấp điện với công suất lớn và mang tính ổn định, không bị phụ thuộc vào nguyên liệu đầu vào (nhiệt điện than) hay tình hình thời tiết (thủy điện, quang điện, phong điện) khiến nhà máy điện hạt nhân nổi lên thành lựa chọn tối ưu cho những quốc gia mong muốn trở thành trung tâm phát triển công nghệ, trung tâm gia công công nghiệp như Trung Quốc, Mỹ hay Nhật.

Sau đây là một số công nghệ phổ biến trong việc thi công nhà máy điện hạt nhân:

Công nghệ BWR (Boiling Water Reactor) – Lò phản ứng nước sôi:

- Nước trong bình phản ứng được đun sôi trực tiếp để tạo hơi.
- Hơi nước này đi thẳng vào tua-bin phát điện, không cần hệ thống vòng lặp thứ cấp như ở các loại lò khác.
- Thiết kế đơn giản hơn: ít bộ phận lớn, không cần máy phát hơi nước, và số lượng bơm chính cũng ít hơn.
- Áp suất vận hành thấp hơn, giúp giảm yêu cầu kỹ thuật về vật liệu và an toàn.

Chi phí ước tính:

- BWR quy mô lớn: 7–10 tỷ USD.
- Phiên bản nhỏ BWR-300 (SMR): khoảng 1–2 tỷ USD.

Hiện nay, BWR không còn phổ biến trong các dự án nhà máy điện hạt nhân mới trên thế giới. Tuy nhiên, BWR-300 SMR là phiên bản hiện đại, chi phí thấp và thiết kế theo mô-đun của công nghệ này, được GE Hitachi tích cực phát triển.

Công nghệ PWR - Công nghệ lò phản ứng nước áp lực:

- Nước trong lò phản ứng được giữ ở áp suất rất cao nên không sôi trong quá trình vận hành.
- Hơi nước được tạo ra trong vòng lặp thứ cấp, tách biệt với nước trong lò phản ứng.
- Hệ thống phức tạp hơn BWR, cần máy phát hơi nước và nhiều bơm làm mát.
- Áp suất vận hành cao, khoảng 15 MPa.

Chi phí ước tính:

- PWR thế hệ III quy mô lớn (ví dụ: EPR, AP1000): 8–12+ tỷ USD.
- Phiên bản nhỏ hơn như NuScale (SMR): khoảng 1–3 tỷ USD.

Các nhà phát triển chính:

- Westinghouse (Hoa Kỳ) – dòng PWR cổ điển và AP1000.
- Framatome (Pháp) – dòng EPR, phiên bản cải tiến của PWR.
- Rosatom (Nga) – dòng VVER, bao gồm VVER-1200.
- Korea Hydro & Nuclear Power (Hàn Quốc) – APR1400.
- China National Nuclear Corporation (Trung Quốc) – Hualong One và các dòng PWR thế hệ III+.

Tình hình triển khai:

PWR là công nghệ phổ biến nhất hiện nay, chiếm hơn 70% tổng số lò phản ứng đang hoạt động trên toàn cầu.

Công nghệ này được ưu tiên lựa chọn cho các dự án mới nhờ:

- Độ an toàn cao và đáng tin cậy.
- Hiệu suất sử dụng nhiên liệu tốt và hiệu quả vận hành cao.
- Thiết kế mô-đun linh hoạt, phù hợp nhiều quy mô nhà máy.
- Cạnh tranh mạnh mẽ giữa các nhà cung cấp quốc tế.

Công nghệ CANDU

- Sử dụng nước nặng (D_2O) làm chất làm mát và chất làm chậm nơtron.
- Nhờ khả năng làm chậm nơtron hiệu quả của nước nặng, CANDU có thể dùng nhiên liệu urani tự nhiên (chưa làm giàu).
- Hơi nước được tạo ra trong vòng lặp thứ cấp, tương tự như PWR.
- Nhiên liệu được đặt trong nhiều ống áp suất nằm ngang, cho phép tiếp nhiên liệu trong khi lò đang vận hành.
- Không cần bình áp suất lớn cho toàn bộ lõi phản ứng.
- Tuy nhiên, cấu trúc phức tạp hơn: gồm nhiều ống áp suất và mối hàn, đòi hỏi kiểm soát chất lượng (QA/QC) nghiêm ngặt khi xây dựng.

TÌM HIỂU VỀ BẢO HIỂM XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

Chi phí ước tính:

- CANDU mới xây dựng: khoảng 6–10 tỷ USD.

Các nhà phát triển và vận hành chính:

- CANDU Energy Inc. – thuộc SNC-Lavalin (Canada), nắm giữ bản quyền công nghệ cốt lõi.
- KHNP (Hàn Quốc) – sở hữu và vận hành các lò phản ứng CANDU.
- Romania, Ấn Độ và Argentina – cũng đang vận hành một số lò CANDU.

Đặc điểm nổi bật và tình hình triển khai:

- Linh hoạt về loại nhiên liệu, có thể sử dụng MOX (oxit hỗn hợp), thori hoặc nhiên liệu tái chế.
- Tuy nhiên, không có dự án xây dựng mới ngoài Canada kể từ những năm 1990.

Hệ thống cơ khí phức tạp và chuỗi cung ứng hạn chế khiến công nghệ này kém hấp dẫn hơn so với các lựa chọn khác trên thị trường hiện nay.

Dự án nhà máy điện hạt nhân tại Việt Nam

Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận được Quốc hội phê duyệt lần đầu vào năm 2009 với tổng công suất 4.000 MW, chia thành 2 nhà máy trên diện tích 1.642 ha. Tuy nhiên, đến năm 2016, Quốc hội ra nghị quyết tạm dừng dự án vì nhiều yếu tố khách quan.

Ngày 25/11/2024, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII thống nhất chủ trương tái khởi động Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận và tiếp tục nghiên cứu chương trình điện hạt nhân tại Việt Nam.

Theo Quy hoạch điện VIII, đến năm 2030, Việt Nam cần 150.000 MW công suất nguồn điện, và con số này sẽ tăng lên khoảng 490.000 - 573.000 MW vào năm 2050. Với tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện khoảng 10% mỗi năm, Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải tìm kiếm và phát triển các nguồn năng lượng ổn định, đáng tin cậy để bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Mặc dù điện mặt trời và điện gió được kỳ vọng là nguồn năng lượng xanh trong tương lai, nhưng việc thiếu ổn định và phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên khiến tỷ lệ đóng góp của hai nguồn năng lượng này vào hệ thống điện vẫn còn hạn chế. Trong khi đó, các nhà máy nhiệt điện than đang đối mặt với thách thức lớn trong cam kết giảm phát thải ròng. Chính vì vậy, điện hạt nhân nổi lên như một lựa chọn chiến lược.

Từ những năm 2018 trở lại đây, các tổ máy điện hạt nhân tiên tiến thuộc công nghệ thế hệ 3+ PWR (VVER-1200/AES-2006 của Nga; AP1000 của Mỹ; APR-1400 của Hàn Quốc, EPR-1750 của Pháp, ACR700 của Ấn Độ...) được đưa vào vận hành tại Nga, Trung Quốc, Belarus, Mỹ, UAE, Phần Lan, Pháp và Ấn Độ. Đồng thời, thế hệ lò 3+ cũng được tiếp tục khởi công xây dựng ở các nước Thổ Nhĩ Kỳ, Anh, Nga, Bangladesh.

Thế hệ 3+ đã đáp ứng yêu cầu cao nhất về an toàn hậu Fukushima, kết hợp một cách hợp lý các hệ thống an toàn theo nguyên lý chủ động và thụ động đảm bảo an toàn cao trong quá trình vận hành nhà máy, giảm thiểu tối đa hậu quả trường hợp xảy ra sự cố trong và ngoài thiết kế (như máy bay rơi, mất điện toàn bộ nhà máy...). Trong trường hợp xảy ra sự cố cực đoan làm nóng chảy nhiên vật liệu vùng hoạt lò phản ứng, chất phóng xạ thoát ra được giữ trong không gian nhà lò một cách an toàn, không phát tán ra môi trường. Nhà máy Ninh Thuận 1 dự kiến sẽ được chọn theo công nghệ này, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có công bố chính xác về công nghệ cũng như nhà thầu được lựa chọn thi công.

TÌM HIỂU VỀ BẢO HIỂM XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

Khi Việt Nam tái khởi động chương trình điện hạt nhân, việc chuẩn bị khung pháp lý và hạ tầng kỹ thuật cho bảo hiểm xây dựng, bảo hiểm trách nhiệm hạt nhân và quản lý rủi ro sẽ là yếu tố không thể thiếu để đảm bảo an toàn và khả năng triển khai dự án. Để chuẩn bị cho việc triển khai chương trình điện hạt nhân, Việt Nam cũng đã từng bước hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến trách nhiệm bồi thường và bảo hiểm rủi ro hạt nhân.

Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 27/06/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Trong Luật này, Điều 69 (Bồi thường thiệt hại hạt nhân) và Điều 70 (Bảo đảm tài chính) quy định các nội dung liên quan đến:

- Định nghĩa thiệt hại hạt nhân
- Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân
- Mức bồi thường, nguyên tắc bồi thường và thời hiệu khởi kiện
- Yêu cầu tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân phải có và duy trì bảo hiểm hoặc hình thức bảo đảm tài chính khác theo quy định của pháp luật để thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân

Tiếp đó, Nghị định 332/2025/NĐ-CP được ký ngày 18/12/2025 và có hiệu lực từ 01/01/2026. Trong Nghị định này, Điều 104 và Điều 105 hướng dẫn chi tiết về bồi thường thiệt hại hạt nhân và cơ chế bảo đảm tài chính của chủ đầu tư hoặc tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân theo quy định của Luật Năng lượng nguyên tử.

Do quy mô đầu tư lớn, yêu cầu kỹ thuật đặc biệt và rủi ro cao, các dự án nhà máy điện hạt nhân luôn được xem là một trong những loại hình công trình có mức độ phức tạp và chi phí bảo hiểm cao nhất thế giới. Chính vì vậy, việc hiểu rõ đặc điểm và phạm vi của bảo hiểm xây dựng/lắp đặt đối với loại dự án này là rất cần thiết cho các nhà đầu tư, cơ quan quản lý và đơn vị bảo hiểm.

Bảo hiểm xây dựng/lắp đặt cho nhà máy điện hạt nhân

1/ Đơn bảo hiểm xây dựng lắp đặt (CAR/EAR) tiêu chuẩn cho một nhà máy điện hạt nhân được kích hoạt từ lúc khởi công đến khi vận hành (thời điểm các phần tử hạt nhân được vận chuyển đến công trình).

2/ Dưới đây là một số khái niệm/định nghĩa/điều kiện trong đơn bảo hiểm CAR/EAR cho nhà máy điện hạt nhân:

- 2.1. Sửa đổi bổ sung MR 211: Là điều khoản mở rộng để bảo hiểm thiệt hại hoặc mất mát phần tử hạt nhân từ thời điểm phần tử nhiên liệu được đưa đến địa điểm công trình cho đến khi nạp nhiên liệu hoặc đạt đến trạng thái tới hạn đầu tiên. Tuy nhiên, trách nhiệm đối với bên thứ ba hoặc trách nhiệm công cộng phát sinh từ các phần tử nhiên liệu và việc lưu trữ chúng sẽ được bảo hiểm theo nhóm (pool) rủi ro hạt nhân.
- 2.2. Khu vực phi hạt nhân (Conventional): bao gồm tòa nhà tua-bin thông thường và phần còn lại của nhà máy nhưng không bao gồm phần có rủi ro phóng xạ hạt nhân. Tòa nhà tua-bin chứa tổ máy phát tua-bin, máy biến áp, máy phát điện diesel, chu trình hơi nước, nguồn cung cấp điện, hệ thống sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí cho khu vực phi hạt nhân. Phần còn lại của nhà máy bao gồm hệ thống làm mát, tháp giải nhiệt, tòa nhà hành chính, phòng điều khiển, kho tổng hợp, hệ thống xử lý nước, kho chứa nước, đường xá và sân phân phối.
- 2.3. Khu vực hạt nhân (Nuclear): Bao gồm các tòa nhà chứa lò phản ứng hạt nhân và thiết bị tạo hơi nước áp suất cao, mạch sơ cấp, thiết bị phụ trợ sơ cấp, nguồn cung cấp điện và hệ thống đo lường và điều khiển của đảo hạt nhân, hệ thống sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí cho đảo hạt nhân và kho chứa nhiên liệu.
- 2.4. Hot zone: Vùng phóng xạ cao và các khu vực mà mức độ phóng xạ đòi hỏi phải có lá chắn sinh học. Vùng phóng xạ cao có thể khác nhau tùy theo từng dự án phụ thuộc vào thiết kế, quy mô và công nghệ của nhà máy đó.
- 2.5. Highly Radioactive Zone: Lò phản ứng và các thành phần bên trong, các phần tử nhiên liệu, thanh điều khiển và bể chứa nhiên liệu đã sử dụng chiếu xạ.
- 2.6. 1st criticality: Thời điểm lò phản ứng đạt được chuỗi phản ứng hạt nhân tự duy trì lần đầu tiên, được kích hoạt bởi nguồn neutron.

TÌM HIỂU VỀ BẢO HIỂM XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

3/ Một số vấn đề khác của đơn xây dựng/lắp đặt nhà máy điện hạt nhân:

- 3.1. Giới hạn bảo hiểm trách nhiệm tiêu chuẩn cho các rủi ro hạt nhân tùy thuộc vào thông lệ pháp lý của từng quốc gia. Thông thường, việc áp dụng Công ước Vienna hoặc Công ước Paris là phổ biến.
- 3.2. Thời hạn xây dựng: Do các dự án nhà máy điện hạt nhân thường yêu cầu thời gian bảo hiểm dài (khoảng 7 đến 8 năm) bao gồm cả thời gian xây dựng và bảo trì, nhiều công ty (Tái) bảo hiểm sẽ gặp khó khăn khi xin phê duyệt nội bộ hoặc phê của các nhà nhận tái bảo hiểm về việc gia hạn thời gian xây dựng/lắp đặt. Điều quan trọng là năng lực tài chính của các công ty (Tái) bảo hiểm của rủi ro này đủ mạnh để đảm bảo hoạt động của họ sẽ tiếp tục sau mười năm xây dựng nhà máy cũng như việc các công ty (Tái) bảo hiểm cho rủi ro này sẽ không dễ dàng thay đổi triết lý hoặc kỷ luật khai thác của họ liên quan đến bảo hiểm điện hạt nhân.
- 3.3. Thời hạn bảo hành: Mặc dù thời hạn bảo hành là một thỏa thuận thương mại theo hợp đồng với nhà cung cấp thiết bị, nhưng đơn bảo hiểm CAR/EAR thường không cung cấp bảo hiểm bảo hành kéo dài quá 24 tháng. Ngoài ra, đơn CAR/EAR khó có thể cung cấp bảo hiểm bảo hành cho các tài sản sản thuộc Khu vực lò phản ứng vì những phần này sau khi nạp nhiên liệu hạt nhân sẽ được chuyển sang bảo hiểm theo nhóm (pool) hạt nhân.

4/ Dưới đây là một số thông tin về các sự cố nhà máy điện hạt nhân trên thế giới và chi phí ước tính (số tiền bảo hiểm, dọn dẹp, bồi thường...) được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Chernobyl (1986 – Ukraina) > 500 tỷ USD
- Fukushima (2011 – Nhật Bản) > 400 tỷ USD
- Windscale (1957 – Anh) > 5 tỷ USD
- Three Miles Island (1979 – Hoa Kỳ) > 2 tỷ USD
- Goiania (1987 – Brazil): > 1 tỷ USD
- Crystal River (2009 – Hoa Kỳ) > 850 triệu USD
- San Onofre (2012 – Hoa Kỳ) > 400 triệu USD
- Tokaimura (1999 – Nhật Bản) > 200 triệu USD
- Gentilly-2 (2012 – Canada) > 90 triệu USD
- Flamanville (2015 – Pháp) > 66 triệu USD
- Ringhals (2011 – Thụy Điển – Hỏa hoạn) > 60 triệu USD

Trên cơ sở các kinh nghiệm quốc tế và đặc thù rủi ro của các dự án điện hạt nhân, có thể thấy vai trò đặc biệt quan trọng của hệ thống bảo hiểm trong việc chia sẻ rủi ro, hỗ trợ tái thiết và bảo đảm tính bền vững tài chính cho ngành năng lượng.

Mặc dù các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước có thể tham gia cấp đơn bảo hiểm hạt nhân (bao gồm cả đồng bảo hiểm), việc thu xếp tái bảo hiểm cho loại rủi ro này không thể thực hiện theo cơ chế truyền thống.

Nguyên nhân là các chương trình tái bảo hiểm cố định thông thường đều áp dụng điều khoản loại trừ rủi ro hạt nhân (NMA 1975), trong khi số lượng rủi ro trên thị trường lại rất hạn chế nhưng mức độ tổn thất tiềm ẩn đặc biệt lớn.

Theo thông lệ quốc tế, bảo hiểm cho nhà máy điện hạt nhân thường được tổ chức thông qua các quỹ bảo hiểm hạt nhân (Nuclear Insurance Pool). Các pool này được thành lập tại từng quốc gia có chương trình điện hạt nhân và đóng vai trò tập hợp năng lực nhận bảo hiểm của thị trường trong nước, đồng thời thực hiện tái bảo hiểm chéo với các pool hạt nhân khác trên thế giới nhằm phân tán rủi ro.

Trong diễn biến mới nhất, ngày 29/8/2025, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có buổi làm việc với Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm (Bộ Tài chính), Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam cùng một vài doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm trong nước trong đó có VINARE nhằm trao đổi, thảo luận về cách thức triển khai bảo hiểm cho Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận. Các nội dung trao đổi hiện mới ở mức định hướng và nghiên cứu ban đầu, tập trung vào việc làm rõ khung pháp lý, khả năng tham gia của thị trường bảo hiểm trong nước và các phương án triển khai phù hợp trong thời gian tới.

BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP – XU HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM THEO CHỈ SỐ VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, người nông dân tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam – một trong những quốc gia chịu nhiều rủi ro thiên tai nhất thế giới – đang ngày càng chịu nhiều tác động từ các hiện tượng thời tiết cực đoan. Trước thực trạng đó, bảo hiểm nông nghiệp (BHNN) theo chỉ số được triển khai như là một trong những giải pháp ứng phó.

Bảo hiểm theo chỉ số

Khác với bảo hiểm truyền thống bồi thường theo tổn thất thực tế dựa trên các đánh giá thực địa, bảo hiểm theo chỉ số sử dụng các chỉ số để xác định khi nào việc chi trả bồi thường sẽ được kích hoạt. Các sản phẩm BHNN theo chỉ số phổ biến trên thế giới hiện nay gồm: bảo hiểm theo năng suất vùng (area -yield index insurance) dựa trên năng suất trung bình của khu vực, bảo hiểm theo chỉ số thời tiết (weather index insurance) dựa vào các chỉ số thời tiết như nhiệt độ, lượng mưa ... thu thập từ các trạm khí tượng và bảo hiểm theo chỉ số vệ tinh (satellite-based index insurance) sử dụng các dữ liệu viễn thám như chỉ số thực vật NDVI, EVI, ... để làm căn cứ xây dựng sản phẩm bảo hiểm.

Lợi ích đối với người nông dân và công ty bảo hiểm

Điểm khác biệt rõ rệt nhất có thể kể đến là thời gian giải quyết quyền lợi bảo hiểm được giảm đáng kể so với các loại hình bảo hiểm truyền thống. Thay vì phải chờ đánh giá tổn thất, người tham gia bảo hiểm theo chỉ số có thể nhận được số tiền bảo hiểm chi trả chỉ sau vài ngày kể từ khi xảy ra sự kiện bảo hiểm mà không cần phải thực hiện các thủ tục yêu cầu bồi thường phức tạp như loại hình bảo hiểm truyền thống. Điều này giúp người mua bảo hiểm sớm có kinh phí để phần nào khắc phục thiệt hại, sớm ổn định sản xuất.

Do không cần đến hệ thống giám định phức tạp mất nhiều thời gian và nguồn lực, đồng thời việc chi trả bảo hiểm mang tính chất hỗ trợ và số tiền bảo hiểm nhiều khi còn thấp hơn nhiều so với giá trị của đối tượng bảo hiểm, bảo hiểm theo chỉ số thường có mức phí phải chăng hơn so với bảo hiểm truyền thống, qua đó tăng khả năng tham gia và được bảo vệ của người nông dân, đặc biệt những hộ nông dân có thu nhập thấp. Ngoài ra, ở một số quốc gia như Ấn Độ và Mông Cổ, việc tham gia BHNN cũng giúp người nông dân dễ dàng tiếp cận các khoản vay vốn với lãi suất ưu đãi hơn từ ngân hàng.

Đối với các công ty bảo hiểm, ngoài việc cắt giảm đáng kể chi phí giám định tổn thất, các sản phẩm bảo hiểm có thể được thiết kế và phát triển đa dạng theo loại cây trồng, khu vực địa lý và thời vụ, giúp mở rộng tệp khách hàng và đáp ứng được nhiều hơn nhu cầu tham gia bảo hiểm. Việc sử dụng các chỉ số minh bạch, được quy định rõ ràng trong hợp đồng bảo hiểm cũng giúp hạn chế những tranh chấp về bồi thường khi bên mua bảo hiểm và công ty bảo hiểm khó thống nhất về giá trị thiệt hại.

Xu hướng của BHNN theo chỉ số

Theo Allied Market Research, quy mô thị trường BHNN theo chỉ số toàn cầu đạt 5,9 tỷ USD năm 2023 và dự kiến đạt 11,3 tỷ USD vào năm 2033, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm(CAGR) đạt 6,5% giai đoạn từ 2024 đến 2033. Trong đó, khu vực Châu Á – Thái Bình Dương dẫn đầu thị phần trong thị trường BHNN theo chỉ số năm 2023 do khu vực này thường xuyên bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt và hạn hán, từ đó làm gia tăng nhu cầu đối với các sản phẩm BHNN. Về tốc độ tăng trưởng, khu vực LAMEA (Châu Mỹ Latinh, Trung Đông và Châu Phi) dự kiến sẽ đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn dự báo của thị trường BHNN theo chỉ số, nguyên nhân là do ngành nông nghiệp trong khu vực này có sự phát triển mạnh mẽ, nhận thức ngày tăng về biến đổi khí hậu cũng như nhu cầu áp dụng các chiến lược giảm thiểu rủi ro ở khu vực này.

Với hàng trăm triệu hộ nông dân được bảo vệ trước các rủi ro thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu, BHNN theo chỉ số ngày càng nhận được sự quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, đến nay mới chỉ có Trung Quốc và Ấn Độ là hai quốc gia triển khai BHNN theo chỉ số ở quy mô tương đối lớn, bao gồm bảo hiểm theo chỉ số năng suất và bảo hiểm theo chỉ số thời tiết. Kết quả này đạt được phần lớn nhờ sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Chính phủ. Trong khi đó, các quốc gia đang phát triển trong khu vực gặp nhiều khó khăn để có thể mở rộng các chương trình BHNN theo chỉ số, hiện nay phần lớn mới chỉ được triển khai thí điểm hoặc triển khai ở quy mô hẹp.

Thực tiễn BHNN theo chỉ số tại Việt Nam

Tại Việt Nam, một số sản phẩm BHNN theo chỉ số cũng đã được thí điểm từ lâu. Với sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước thông qua việc hỗ trợ phí bảo hiểm cho hộ nông dân và tổ chức sản xuất nông nghiệp, bảo hiểm cây lúa theo chỉ số năng suất đã được thí điểm triển khai trong giai đoạn 2011-2013 (theo Quyết định số 315/QĐ-TTg về thực hiện thí điểm BHNN) và giai đoạn 2020-2021 (theo Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg về thực hiện chính sách hỗ trợ BHNN). Tuy nhiên, doanh thu phí bảo hiểm còn rất khiêm tốn so với tiềm năng về diện tích và quy mô canh tác nông nghiệp.

Hiện nay, trên thị trường, bên cạnh các sản phẩm BHNN truyền thống, một số doanh nghiệp bảo hiểm gốc cũng đã và đang triển khai các sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số, ví dụ như bảo hiểm theo chỉ số lượng mưa, bảo hiểm theo chỉ số bão. Tuy nhiên, quy mô của các sản phẩm này còn khá hạn chế cả về số lượng khách hàng tham gia bảo hiểm lẫn phạm vi triển khai.

Thách thức đối với thị trường Việt Nam

Nhu cầu về các sản phẩm BHNN bao gồm bảo hiểm theo chỉ số theo đánh giá hiện khá lớn. Tuy nhiên, việc xây dựng và triển khai thực tế các sản phẩm này vẫn còn gặp nhiều thách thức.

Đầu tiên, theo nhiều chuyên gia cho biết, việc định phí bảo hiểm sản phẩm BHNN đòi hỏi nguồn dữ liệu đầy đủ và chính xác tối thiểu là 10 năm. Tuy vậy, hiện nay, cả nước mới chỉ có gần 200 trạm khí tượng truyền thống và hơn 2.500 trạm đo mưa chuyên dụng, mật độ trạm còn thấp, dữ liệu quá khứ còn chưa đầy đủ, phần nào cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc định phí của các chuyên gia. Ngoài ra, một số dự án công nghệ viễn thám ứng dụng vào BHNN còn hạn chế, ví dụ dự án Thông tin Viễn thám và Bảo hiểm cây trồng (RIICE) do Thụy Sĩ tài trợ đã kết thúc vào cuối năm 2021. Việc dữ liệu khí tượng chưa đầy đủ hoặc còn thiếu khiến việc thiết kế các sản phẩm bảo hiểm trở nên khó khăn.

Thêm vào đó, nếu phạm vi triển khai chưa được mở rộng, chi phí thu thập dữ liệu cũng là một bài toán nan giải đối với các công ty bảo hiểm. Để có thể triển khai được các chương trình BHNN theo chỉ số với quy mô lớn, sẽ cần có sự đầu tư chiến lược vào cơ sở hạ tầng dữ liệu cấp quốc gia, bao gồm việc tăng cường mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc thu thập dữ liệu cũng như miễn/giảm chi phí thu thập và sử dụng dữ liệu cho các công ty bảo hiểm khi thực hiện các chương trình BHNN theo chỉ số.

Đối với người tham gia bảo hiểm, việc hiểu và chấp nhận rủi ro cơ bản (basic risk) – đặc điểm khác biệt của bảo hiểm theo chỉ số so với bảo hiểm truyền thống – sẽ cần nhiều thời gian. Trong BHNN theo chỉ số, việc bồi thường không dựa trên đánh giá tổn thất cụ thể tại địa điểm được bảo hiểm mà dựa vào các chỉ số như lượng mưa, nhiệt độ hay năng suất trung bình của cả vùng, nên vẫn có những trường hợp người mua bảo hiểm chịu thiệt hại nhưng không được công ty bảo hiểm chi trả hoặc được chi trả với số tiền rất ít so với thực tế, và ngược lại, người mua bảo hiểm có thể được chi trả trong khi thiệt hại thực tế không đáng kể, thậm chí không bị thiệt hại. Các hoạt động truyền thông, tập huấn trực tiếp giải thích về cơ chế vận hành của sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số sẽ góp phần nâng cao nhận thức và hiểu biết của các hộ nông dân và tổ chức sản xuất nông nghiệp.

Mặc dù các sản phẩm BHNN theo chỉ số thường có mức phí bảo hiểm thấp hơn các sản phẩm truyền thống, khả năng chi trả của nông dân vẫn là một trong những thách thức lớn trong việc mở rộng phạm vi tham gia bảo hiểm. Đối với nhiều hộ nông dân, đặc biệt là các hộ có thu nhập thấp, tham gia bảo hiểm chưa được xem là khoản chi ưu tiên, nhất là khi bảo hiểm chủ yếu giúp hạn chế rủi ro có thể xảy ra trong tương lai, chứ không mang lại lợi ích tức thời, ngay trước mắt. Các chương trình BHNN với sự hỗ trợ của Nhà nước, bao gồm bảo hiểm theo chỉ số cần được lồng ghép trong các chiến lược tổng thể, ví dụ như hỗ trợ lãi suất khi vay vốn ngân hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thay vì được triển khai như các sản phẩm độc lập. Ngoài ra, cần xây dựng một hệ thống giám sát và đánh giá việc triển khai các chương trình BHNN để đảm bảo sự thành công và bền vững của các chương trình này.

Sản xuất nông nghiệp thường diễn ra trên không gian rộng lớn và chủ yếu ngoài trời, vì vậy chịu tác động mạnh từ điều kiện tự nhiên. Khi các hiện tượng thời tiết ngày càng cực đoan và khó lường, các sản phẩm bảo hiểm truyền thống thường khó đáp ứng nhu cầu bảo vệ của nông dân, hoặc nếu có thì mức phí lại cao, vượt khả năng chi trả. Bảo hiểm nông nghiệp theo chỉ số giúp lấp phần khoảng trống này, hỗ trợ nông dân phục hồi sản xuất nhanh hơn sau thiên tai, đồng thời góp phần ổn định sinh kế và giảm gánh nặng hỗ trợ ngân sách. Nhờ tiến bộ của công nghệ vệ tinh, hệ thống trạm quan trắc khí tượng và các phương pháp phân tích dữ liệu, việc xây dựng sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số ngày càng chính xác với mức phí hợp lý, tạo điều kiện mở rộng thị trường và tăng khả năng tiếp cận.

THIÊN TAI 2025: RỦI RO KHÔNG CÒN MANG TÍNH "BẤT THƯỜNG"

Theo thông tin từ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12, chỉ trong năm 2025, thiên tai tại Việt Nam đã gây thiệt hại xấp xỉ 100.000 tỷ đồng, tương đương 0,7–0,8% GDP, với hơn 400 người chết và mất tích, hàng trăm nghìn ngôi nhà bị hư hại, cùng tổn thất nghiêm trọng đối với nông nghiệp, hạ tầng và sinh kế người dân. Con số này cho thấy thiên tai không còn là những sự kiện đơn lẻ, mà đã trở thành rủi ro có tính hệ thống, tác động trực tiếp đến ổn định tài khóa và tăng trưởng kinh tế.

Trong bối cảnh đó, một câu hỏi cần phải đặt ra là "làm thế nào để có sẵn nguồn lực tài chính nhằm ứng phó nhanh và phục hồi kịp thời khi thiên tai xảy ra". Đây chính là điểm mà giải pháp chuyển giao rủi ro parametric trở nên đặc biệt phù hợp.

Parametric – từ lý thuyết đến thực tiễn khu vực

Một minh chứng rõ nét gần đây trong khu vực ASEAN là khi công ty bảo hiểm SEADRIF (thuộc tổ chức The Southeast Asia Disaster Risk Insurance Facility) đã chi trả 2 triệu USD cho Chính phủ Lào chỉ trong vòng 6 ngày sau khi dữ liệu thiên tai chính thức cho thấy số người bị ảnh hưởng vượt ngưỡng tham số đã định trước.

Khác với bảo hiểm truyền thống, khoản chi trả này không cần giám định tổn thất thực tế, không chờ tổng hợp hồ sơ thiệt hại, mà được kích hoạt tự động dựa trên chỉ số định lượng khách quan. Trường hợp này cho thấy parametric không còn là khái niệm thử nghiệm, mà đã trở thành công cụ tài chính vận hành thực tế trong khu vực ASEAN, mang lại nguồn tiền nhanh cho Chính phủ ngay trong giai đoạn khẩn cấp.

Lợi ích của parametric đối với từng bên liên quan

Đối với người dân

Người dân là nhóm chịu ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề nhất từ thiên tai, đặc biệt là nông dân, ngư dân và lao động khu vực phi chính thức. Với họ, vấn đề lớn nhất sau thiên tai không chỉ là tổng mức thiệt hại, mà là thiếu tiền mặt ngay lập tức để sửa nhà, tái sản xuất hoặc trang trải chi phí sinh hoạt.

Các sản phẩm parametric (ví dụ: dựa trên lượng mưa, mực nước lũ, số ngày nắng nóng cực đoan) có thể mang lại lợi ích:

- Chi trả nhanh, không cần chứng minh thiệt hại chi tiết;
- Thủ tục đơn giản, dễ tiếp cận;
- Ổn định sinh kế, đặc biệt trong nông nghiệp.

Điều này giúp người dân giảm phụ thuộc vào cứu trợ, chủ động hơn trong phục hồi sinh kế.

Liệu giải pháp parametric có phù hợp với rủi ro thiên tai tại Việt Nam?

Thiên tai tại Việt Nam có ba đặc điểm nổi bật: diện rộng, ảnh hưởng đồng thời nhiều đối tượng và cần phản ứng rất nhanh. Trong khi đó, các cơ chế hỗ trợ truyền thống – ngân sách dự phòng, cứu trợ khẩn cấp, bồi thường bảo hiểm – thường mất thời gian để triển khai và giải ngân.

Parametric được thiết kế để bù vào khoảng trống này, giải pháp không thay thế bảo hiểm truyền thống, mà đóng vai trò tầng bảo vệ tài chính đầu tiên, cung cấp thanh khoản nhanh ngay sau thiên tai, trước khi các nguồn lực khác phát huy tác dụng.

Đối với Chính phủ

Thiên tai gây áp lực lớn lên ngân sách nhà nước, đặc biệt trong những năm thiệt hại lên tới hàng chục đến hàng trăm nghìn tỷ đồng như 2024, 2025 đã chứng kiến. Parametric mang lại cho Chính phủ:

- Nguồn tài chính dự phòng được định trước, kích hoạt ngay khi thiên tai vượt ngưỡng;
- Giảm cú sốc tài khóa, hạn chế việc phải điều chỉnh ngân sách đột ngột;
- Tăng tính chủ động trong ứng phó khẩn cấp, tương tự trường hợp SEADRIF đã thực hiện tại Lào.

Như vậy, parametric có thể được đưa vào sử dụng như công cụ bảo hiểm ngân sách, hỗ trợ chi phí cứu trợ ban đầu, sửa chữa hạ tầng thiết yếu và hỗ trợ người dân vùng bịảnh hưởng.

THIÊN TAI 2025: RỦI RO KHÔNG CÒN MANG TÍNH "BẤT THƯỜNG"

Đối với doanh nghiệp

Doanh nghiệp, đặc biệt là trong các lĩnh vực nông nghiệp, năng lượng, logistics, hạ tầng, thường chịu thiệt hại lớn do gián đoạn hoạt động sau thiên tai. Parametric giúp:

- Bảo vệ dòng tiền, chi trả ngay khi sự kiện xảy ra;
- Giảm gián đoạn kinh doanh, không phải chờ giám định;
- Bổ trợ cho bảo hiểm truyền thống, nhất là các khoản tổn thất gián tiếp.

Trong bối cảnh chuỗi cung ứng ngày càng nhạy cảm với rủi ro khí hậu, parametric trở thành công cụ quản trị rủi ro tài chính chiến lược cho doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp bảo hiểm

Với các doanh nghiệp bảo hiểm, thiên tai quy mô lớn luôn tiềm ẩn rủi ro tích tụ và biến động kết quả kinh doanh. Parametric mang lại:

- Chi phí quản lý và bồi thường thấp, không cần giám định phức tạp;
- Có thể kết hợp với các giải pháp bảo vệ truyền thống khi để tiếp tục chuyển giao rủi ro, nâng cao tính bảo vệ cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, parametric còn mở ra thị trường mới, đặc biệt là phân khúc chính phủ, SME và nông nghiệp – những lĩnh vực mà bảo hiểm truyền thống khó tiếp cận hiệu quả.

Parametric – mảnh ghép chiến lược cho Việt Nam

Từ thực tế thiệt hại gần 100.000 tỷ đồng trong năm 2025 và bài học chi trả nhanh của SEADRIF tại Lào, có thể thấy rằng mặc dù Parametric không phải "liều thuốc vạn năng", nhưng có thể là mảnh ghép còn thiếu để hoàn thiện hệ sinh thái quản lý rủi ro tài chính quốc gia.

Khi được kết hợp với bảo hiểm truyền thống, tái bảo hiểm và các chính sách thích ứng khí hậu, giải pháp chuyển giao rủi ro parametric có thể giúp Việt Nam tăng khả năng chống chịu trước thiên tai, bảo vệ người dân, ổn định ngân sách và tạo nền tảng cho phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI XANH TRÊN THẾ GIỚI VÀ TẠI VIỆT NAM

Theo Tổng Thư ký IMO, ông Arsenio Dominguez, mục tiêu Khuôn khổ trung hòa Carbon (Net-Zero Framework - NZF) của IMO nhằm bảo đảm rằng vận tải biển quốc tế có thể đáp ứng các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, đẩy nhanh việc áp dụng các loại nhiên liệu, công nghệ và nguồn năng lượng có mức phát thải khí nhà kính bằng 0 hoặc gần bằng 0, đồng thời hướng tới việc cắt giảm mạnh và tiến tới loại bỏ phát thải khí nhà kính. Qua đó, NZF góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nhiên liệu sạch của ngành hàng hải, hướng tới mục tiêu đạt trung hòa carbon vào hoặc trước năm 2050.

Trong bối cảnh IMO thúc đẩy mạnh mẽ lộ trình trung hòa carbon theo khuôn khổ này, câu hỏi đặt ra là liệu đội tàu toàn cầu đã sẵn sàng cho sự bùng phát của quá trình chuyển đổi nhiên liệu hay chưa.

Theo cơ quan đăng kiểm Na Uy (DNV) dự báo đến năm 2030, đội tàu toàn cầu có thể tiêu thụ hơn 50 triệu tấn dầu nhiên liệu phát thải khí nhà kính thấp (không bao gồm nhiên liệu sinh học). Cùng với đó, số lượng tàu sử dụng nhiên liệu thay thế đang khai thác dự kiến sẽ gần như tăng gấp đôi vào năm 2028. Những tín hiệu này cho thấy ngành vận tải biển đang tiến gần đến một giai đoạn bùng phát trong quá trình chuyển đổi nhiên liệu, đồng thời cho thấy nhu cầu ngày càng gia tăng đối với các nhà sản xuất nhiên liệu và các ngành liên quan nhằm đẩy nhanh tiến độ phát triển.

Tuy nhiên, việc mở rộng áp dụng nhiên liệu phát thải thấp trên quy mô lớn vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Dự báo đến năm 2030, nguồn cung toàn cầu của các loại nhiên liệu phát thải khí nhà kính thấp chỉ đạt khoảng 70–100 triệu tấn mỗi năm, trong đó chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu của ngành vận tải biển. Ngay cả trong kịch bản ngành vận tải biển có đủ năng lực tiêu thụ các loại nhiên liệu phát thải bằng 0 hoặc gần bằng 0, nguồn cung vẫn cần được mở rộng đáng kể, với mức giá cần cạnh tranh hơn so với các lựa chọn khác.

Nếu không mở rộng quy mô sản xuất nhiên liệu thay thế và cơ sở hạ tầng lưu trữ CO_2, ngành vận tải biển sẽ rất khó đạt được mục tiêu trung hòa carbon (IMO Net-Zero Framework). Trong bối cảnh đó, triển vọng chuyển đổi nhiên liệu của ngành cho thấy cần vượt qua ba rào cản chính, bao gồm công nghệ và an toàn, nhu cầu và chi phí, cũng như khả năng sẵn có của nhiên liệu.

Vai trò của công nghệ thu giữ carbon trên tàu trong lộ trình trung hòa carbon

Bên cạnh nhiên liệu phát thải thấp, công nghệ thu giữ carbon trên tàu (Onboard Carbon Capture – OCC) được đánh giá là một trong những giải pháp bổ trợ quan trọng trong lộ trình trung hòa carbon của ngành hàng hải theo Khuôn khổ trung hòa carbon của IMO. Theo các phân tích gần đây, OCC có thể giúp giảm tới 19% lượng phát thải từ các đội tàu chở hàng rời, tàu chở dầu và tàu công-ten-nơ, qua đó đóng góp khoảng 9% mức giảm phát thải tổng thể của ngành.

Việc trang bị hạ tầng tiếp nhận CO_2 tại 20 cảng lớn và hoán cải tàu sử dụng công nghệ OCC có thể mang lại hiệu quả tương ứng với việc sử dụng 25 triệu tấn nhiên liệu phát thải thấp mỗi năm trong nỗ lực đạt được mục tiêu cơ sở năm 2030 của IMO. Dự báo đến năm 2030, khả năng lưu trữ CO_2 được kỳ vọng đạt từ 60–85 triệu tấn, tăng đáng kể so với ước tính trước đó là 47–67 triệu tấn. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận các địa điểm lưu trữ phù hợp, hoặc phát triển các phương án sử dụng CO_2 thu giữ được trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, vẫn là yếu tố then chốt quyết định tính khả thi của giải pháp thu giữ carbon trên tàu.

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI XANH TRÊN THẾ GIỚI VÀ TẠI VIỆT NAM

Năng lượng gió – Động lực mới trong giảm phát thải hàng hải

Song song với các giải pháp công nghệ và nhiên liệu, năm nay được kỳ vọng sẽ đánh dấu bước ngoặt đối với việc ứng dụng năng lượng gió trong ngành hàng hải. Nhiều dự án thí điểm về các hệ thống hỗ trợ đẩy bằng gió (Wind-Assisted Propulsion Systems – WAPS) đang được thử nghiệm và chuyển sang giai đoạn khai thác thương mại, qua đó góp phần củng cố niềm tin vào hiệu quả và độ tin cậy của công nghệ này. Theo đánh giá ban đầu, hệ thống đẩy hỗ trợ bằng gió có thể mang lại mức tiết kiệm nhiên liệu hằng năm từ 5% đến 20% cho một số loại tàu.

Rủi ro an toàn từ các nguồn nhiên liệu thay thế

Bên cạnh lợi ích trong việc giảm phát thải, nhiều loại nhiên liệu và công nghệ mới đang đặt ra những thách thức đáng kể về an toàn. Các loại nhiên liệu như Hydro có đặc tính dễ cháy nổ cao, hoặc Pin Lithium-ion có nguy cơ cháy không thể dập tắt bằng nước thông thường.

Dù hỗ trợ mục tiêu giảm phát thải, số lượng tàu tích hợp pin lithium vào hệ thống động lực đang tăng nhanh, tuy nhiên, các hệ thống này đồng thời tập trung một lượng năng lượng rất lớn trên tàu, đòi hỏi hệ thống quản lý pin, kiểm soát mức sạc và quy trình ứng phó khẩn cấp phải được duy trì nghiêm ngặt.

Trước thực tế đó, từ cuối năm 2025 một số Hội P&I đã yêu cầu các tàu cập nhật loại nhiên liệu tàu sử dụng nhằm bảo đảm tuân thủ các quy định pháp lý quốc tế về cắt giảm phát thải khí nhà kính, đồng thời giúp các Hội P&I nắm rõ loại nhiên liệu tàu sử dụng, qua đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa rủi ro, hạn chế tổn thất và khuyến cáo an toàn nhằm giảm thiểu nguy cơ phát sinh các yêu cầu bồi thường lớn.

Do đó, các chủ tàu được khuyến nghị cần phối hợp chặt chẽ với các công ty bảo hiểm và liên tục cập nhật các biện pháp đề phòng hạn chế tổn thất theo khuyến cáo của các Hội P&I.

Triển vọng ngành Hàng hải Việt Nam: Hướng tới tương lai phát thải thấp

Ngành hàng hải Việt Nam hiện nay không chỉ dừng lại ở việc mở rộng quy mô, mà còn đang chuyển dịch về chất lượng phát triển. Các cảng biển và đội tàu đang từng bước chuyển đổi sang sử dụng năng lượng sạch hơn, ứng dụng logistics thông minh hơn, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quốc tế.

Đối với cảng biển, một số cảng đã áp dụng các giải pháp hạ tầng như điện khí hóa cần cẩu hay phát triển hệ thống cấp điện bờ trực tiếp giúp giảm phát thải, chuyển đổi số toàn diện cách thức hàng hóa được quản lý, điều phối và xử lý, qua đó cắt giảm đồng thời độ trễ vận hành lẫn chi phí carbon. Gần đây, Cảng nước sâu Gemalink đang thiết lập chuẩn mực mới với 100% cần cẩu bến chạy điện, bán tự động hóa và phần mềm cảng thông minh mang lại lợi ích kinh tế đáng kể: các cẩu giàn chạy điện có thể giúp giảm tới 80% chi phí năng lượng và lượng phát thải. Tại Cảng Quy Nhơn, việc nâng cấp hệ thống thông minh đã rút ngắn một nửa thời gian quay vòng hàng hóa, từ 5 ngày xuống còn 2,5 ngày.

Đối với đội tàu biển Việt Nam, tuổi trung bình của đội tàu biển tại Việt Nam đang cao hơn so với toàn cầu (theo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam). Đa số tàu biển được đóng trước năm 2020, do đó chưa được trang bị đầy đủ các công nghệ tiết kiệm năng lượng, thiếu sự tự động hóa, khả năng kết nối thông tin chưa hiệu quả, chưa tối ưu việc xử lý khí thải hay thiết kế thân tàu nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu.

Theo ông Trần Văn Quyền, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vận tải Container Hải An, hiện nay các tàu đã lắp đặt hệ thống lọc khí thải, đánh bóng vỏ tàu để giảm ma sát, thay thế đèn chiếu sáng bằng LED tiết kiệm điện, hạ vòng tua máy để tiết kiệm nhiên liệu. Tuy nhiên, đây chỉ là những biện pháp ngắn hạn.

Về dài hạn, việc đóng mới các tàu thế hệ mới, ứng dụng công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường, được xem là giải pháp căn cơ. Trong bối cảnh các thỏa thuận quốc tế về cắt giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động vận tải biển ngày càng được siết chặt, ngành hàng hải Việt Nam đang đứng trước bài toán tái cơ cấu và trẻ hóa đội tàu nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong tương lai.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
TRỤ SỞ CHÍNH: 141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Hà Nội - Tel: (84 024) 3942 2354/65-69 - Fax: (84 024) 3942 2351
CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH: 11 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, TP.HCM - Tel: (84 028) 3821 1615 - Fax: (84 028) 3821 1616
www.vinare.com.vn